TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **103**/2025/QĐST-LĐ	*TP.Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 9 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Thái Hoàn Xanh

2. Bà Nguyễn Thị Thanh Trang

Căn cứ vào các Điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 60/2025/TLST-LĐ ngày 10 tháng 4 năm 2025.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Hoàng O, sinh năm 1980; Địa chỉ thường trú: Ấp A, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long (nay là xã T, tỉnh Vĩnh Long); Địa chỉ liên lạc: Số C Khu phố A, phường Đ, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường Đ, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Cao T, sinh năm 1981; Địa chỉ: Số B đường T, Phường I, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh) (Giấy uỷ quyền số công chứng 00003380, quyển số 03/2025 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 28/3/2025 tại Phòng C, Thành phố Hồ Chí Minh).

Bị đơn: Công ty TNHH S; Địa chỉ trụ sở: Lô I N, Khu Công nghiệp T, đường số A, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn: Bà Trần Thị Thu T1, sinh năm 1984; Địa chỉ liên lạc: Lô I N, Khu Công nghiệp T, đường số A, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh (Văn bản ủy quyền số 0001-09/2025/POA-VT ngày 12/9/2025).

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

a) Về nợ lương:

Các bên đương sự cùng thống nhất Công ty TNHH S còn nợ bà Nguyễn Hoàng O số tiền lương của tháng 12/2024 và tháng 01/2025 là 19.123.837 đồng (mười chín triệu, một trăm hai mươi ba nghìn, tám trăm ba mươi bảy đồng).

Công ty TNHH S có trách nhiệm thanh toán cho bà Nguyễn Hoàng O số tiền nêu trên với phương thức cụ thể như sau:

- Chậm nhất ngày 25/9/2025: Công ty TNHH S có trách nhiệm trả cho bà O 35% số tiền nợ lương tương đương với số tiền là 6.693.343 đồng;

- Chậm nhất ngày 30/10/2025: Công ty TNHH S có trách nhiệm trả cho bà O 35% số tiền nợ lương tương đương với số tiền là 6.693.343 đồng;

- Chậm nhất ngày 30/11/2025: Công ty TNHH S có trách nhiệm trả cho bà O số tiền còn lại là 5.737.151 đồng.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

b) Về nợ đóng bảo hiểm xã hội:

Chậm nhất ngày 28/02/2026, Công ty TNHH S phải đóng các khoản bảo hiểm xã hội theo quy định pháp luật còn nợ cho bà Nguyễn Hoàng O, sinh năm 1980; mã số bảo hiểm xã hội: 8621509918; số căn cước công dân: 086180011499 tại cơ quan Bảo hiểm xã hội có thẩm quyền. Mức đóng và số tiền phải đóng được thực hiện theo quy định của pháp luật về Bảo hiểm xã hội.

c) Về án phí:

Án phí lao động sơ thẩm là 873.715 đồng (tám trăm bảy mươi ba nghìn, bảy trăm mười lăm đồng). Hai bên thỏa thuận mỗi bên chịu 1/2 án phí lao động sơ thẩm, cụ thể:

- Số tiền án phí mà Công ty TNHH S phải chịu là 436.858 đồng (bốn trăm ba mươi sáu nghìn, tám trăm năm mươi tám đồng);

- Số tiền án phí mà bà Nguyễn Hoàng O phải chịu là 436.858 đồng (bốn trăm ba mươi sáu nghìn, tám trăm năm mươi tám đồng). Tuy nhiên, bà O thuộc

trường hợp được miễn án phí theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Bà O không phải nộp án phí.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND Khu vực 9, TP. HCM;
- THADS TP. Hồ Chí Minh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Thị Hương